

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố thủ tục hành chính nội bộ được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ
trong lĩnh vực Đường bộ, Quy hoạch đô thị và nông thôn
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 246/TTr-SXD ngày 28 tháng 11 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính nội bộ được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực Đường bộ, Quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng (*chi tiết tại Phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng; Thủ trưởng các cơ quan liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- Bộ Xây dựng;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, PVHCC.

Munt



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lâm Hải Giang

PHỤ LỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ,
BÃI BỎ CỦA CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TRONG
LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ, ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN THUỘC PHẠM VI
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ XÂY DỰNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND
ngày / /2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ
1. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	Quy hoạch đô thị và nông thôn	Cơ quan chuyên môn về quy hoạch đô thị và nông thôn cấp tỉnh; Cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc UBND cấp xã;
2	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã	Quy hoạch đô thị và nông thôn	Cơ quan chuyên môn về quy hoạch đô thị và nông thôn cấp tỉnh; Cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc UBND cấp xã;
	Tổng cộng: 02 TTHC		

2. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ ĐƯỢC THAY THẾ

S T T	Tên TTHC nội bộ được thay thế	Tên TTHC nội bộ thay thế	Lĩnh vực	Tên VB quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Cơ quan thực hiện
1	Thẩm định nhiệm vụ,	Thẩm định	Quy hoạch	Nghị định	Cơ quan

S T T	Tên TTHC nội bộ được thay thế	Tên TTHC nội bộ thay thế	Lĩnh vực	Tên VB quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Cơ quan thực hiện
	nhiệm vụ điều chỉnh điều chỉnh quy hoạch chi tiết không theo hình thức kinh doanh (Cấp huyện)	nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh điều chỉnh quy hoạch chi tiết không theo hình thức kinh doanh (Cấp xã)	đô thị và nông thôn	145/2025/N Đ-CP ngày 12/6/2025	chuyên môn có chức năng quản lý quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc UBND cấp xã;
2	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết không theo hình thức kinh doanh (Cấp huyện)	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết không theo hình thức kinh doanh (Cấp xã)	Quy hoạch đô thị và nông thôn	Nghị định 145/2025/N Đ-CP ngày 12/6/2025	Cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc UBND cấp xã;
3	Cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của hệ thống địa phương đang khai thác (do Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Giao thông	Cấp phép thi công công trình trên đường bộ của hệ thống đường địa phương đang khai thác (do Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Xây dựng	Đường bộ	- Luật đường bộ 2024 - Nghị định số 165/2025/N Đ-CP ngày 26/12/2024 của Chính	Sở Xây dựng

S T T	Tên TTHC nội bộ được thay thế	Tên TTHC nội bộ thay thế	Lĩnh vực	Tên VB quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Cơ quan thực hiện
	vận tải quản lý) Cấp phép thi công xây dựng công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ của hệ thống đường địa phương đang khai thác (do Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Giao thông vận tải quản lý) Cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của hệ thống đường địa phương đang khai thác	quản lý)		phủ - Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/024 của Bộ GTVT (nay là Bộ Xây dựng)	
4	Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của hệ thống đường địa phương đang khai thác (do UBND tỉnh giao Sở GTVT quản lý)	Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; xây	Đường bộ	- Luật đường bộ 2024 - Nghị định số 165/2025/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính	Sở Xây dựng

S T T	Tên TTHC nội bộ được thay thế	Tên TTHC nội bộ thay thế	Lĩnh vực	Tên VB quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Cơ quan thực hiện
	Chấp thuận xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của hệ thống đường địa phương đang khai thác	dựng, lắp đặt công trình hạ tầng; xây dựng lắp đặt công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ của hệ thống đường địa phương (do Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Xây dựng quản lý).		phủ	
5	Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của hệ thống đường địa phương đang khai thác (do Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Giao thông vận tải quản lý)	Chấp thuận xây dựng công trình hạ tầng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ, gia cường công trình đường bộ đồng thời với cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ của hệ thống	Đường bộ	Luật đường bộ 2024 Nghị định số 165/2025/N Đ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ	Sở Xây dựng

S T T	Tên TTHC nội bộ được thay thế	Tên TTHC nội bộ thay thế	Lĩnh vực	Tên VB quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Cơ quan thực hiện
		đường địa phương đang khai thác(do Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Xây dựng quản lý)			
6	Chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông nút giao đầu nối vào hệ thống đường địa phương (do Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Giao thông vận tải quản lý)	Chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông nút giao đầu nối vào hệ thống đường địa phương (do UBND tỉnh giao cho Sở Xây dựng quản lý)	Đường bộ	Thay đổi cơ quan hành chính	Sở Xây dựng
7	Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào hệ thống đường địa phương (do Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Giao thông vận tải quản lý)	Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào hệ thống đường địa phương (do UBND tỉnh giao cho Sở Xây dựng quản lý)	Đường bộ	Thay đổi cơ quan hành chính	Sở Xây dựng
	Tổng cộng: 07 TTHC				

3. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ BÃI BỎ

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Căn cứ bãi bỏ
1	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	Quy hoạch đô thị và nông thôn	Sở Xây dựng	Bãi bỏ (do Không tổ chức lập, phê duyệt quy hoạch chung huyện theo quy định tại khoản 4 Điều 3, Điều 28 và điểm b khoản 2 Điều 41 theo quy định k1 Điều 11 NĐ 145/2025)
2	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.	Quy hoạch đô thị và nông thôn	Sở Xây dựng	Bãi bỏ (do Không tổ chức lập, phê duyệt quy hoạch chung huyện theo quy định tại khoản 4 Điều 3, Điều 28 và điểm b khoản 2 Điều 41 theo quy định k1 Điều 11 NĐ 145/2025)
3	Phê duyệt về đặt số hiệu hệ thống đường huyện	Đường bộ	UBND cấp huyện	Không còn tổ chức chính quyền cấp huyện
4	Phê duyệt kế hoạch tháng về việc sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ	Đường bộ	Thanh tra Sở Giao thông vận tải	Hoạt động thanh tra không còn thuộc thẩm quyền của Sở Xây dựng
5	Gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao	Đường bộ	Sở Xây dựng	- Luật đường bộ 2024 - Nghị định số 165/2025/NĐ-CP

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Căn cứ bãi bỏ
	thông đường bộ của hệ thống đường địa phương đang khai thác (do Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Giao thông vận tải quản lý)			ngày 26/12/2024 của Chính phủ - Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/024 của Bộ GTVT (nay là Bộ Xây dựng)
6	Thỏa thuận quy trình quản lý, vận hành khai thác cầu trên đường giao thông nông thôn (trường hợp UBND cấp huyện, UBND cấp xã, cộng đồng dân cư là Chủ đầu tư)	Đường bộ	Sở Xây dựng	Thông tư 12/2024/TT-BGTVT ngày 29/4/2014 của Bộ GTVT hướng dẫn quản lý, vận hành khai thác cầu trên đường giao thông nông thôn đã hết hiệu lực được thay thế bởi Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ. Theo đó chức năng chấp thuận quy trình, quản lý vận hành do chủ đầu tư phê duyệt
	Tổng cộng: 06 TTHC			

PHẦN 2: NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ CẤP XÃ

1. Thủ tục thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xã.

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Người đề nghị thẩm định trình 01 bộ hồ sơ đến cơ quan chủ trì thẩm định để tổ chức thẩm định. Hồ sơ trình thẩm định được gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

Bước 2:

- Cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra sự đầy đủ, tính hợp lệ của hồ sơ trình thẩm định theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Trong thời hạn 05 ngày làm việc sau khi tiếp nhận hồ sơ thẩm định, Cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm:

+ Xem xét, gửi văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ trình thẩm định đến người đề nghị thẩm định (việc yêu cầu bổ sung hồ sơ chỉ được yêu cầu một lần trong quá trình thẩm định). Trường hợp cần lấy ý kiến phối hợp của các cơ quan, tổ chức có liên quan, cơ quan chủ trì thẩm định yêu cầu người đề nghị thẩm định bổ sung hồ sơ đối với những nội dung lấy ý kiến;

+ Trả lại hồ sơ thẩm định trong trường hợp quy định tại khoản 2 bước này;

- Cơ quan chủ trì thẩm định từ chối tiếp nhận hồ sơ trình thẩm định trong các trường hợp:

+ Trình thẩm định không đúng với thẩm quyền của cơ quan chủ trì thẩm định hoặc người đề nghị thẩm định không đúng thẩm quyền theo quy định;

+ Hồ sơ trình thẩm định không bảo đảm về tính pháp lý hoặc không hợp lệ theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

+ Đối với hồ sơ nhận qua đường bưu điện thuộc các trường hợp quy định tại điểm a, điểm b của khoản này, cơ quan chủ trì thẩm định phải có văn bản gửi người đề nghị thẩm định nêu rõ lý do từ chối thực hiện thẩm định.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ bưu điện hoặc trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống quản lý văn bản điện tử (idesk).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

- Hồ sơ bản giấy:

+ Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt;

+ Thuyết minh nội dung nhiệm vụ;

+ Dự thảo quyết định phê duyệt nhiệm vụ;

+ Các văn bản pháp lý có liên quan;

+ Văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung nhiệm vụ quy hoạch;

+ Hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch xây dựng.

- Hồ sơ bản điện tử:

+ Cơ sở dữ liệu số cơ bản là các tệp tin (file) bản vẽ và văn bản được in ấn thành phần hồ sơ của nhiệm vụ quy hoạch bản giấy.

+ Cơ sở dữ liệu số pháp lý bao gồm các tệp tin (file) được số hóa, quét (scan) từ hồ sơ bằng bản giấy hoặc chứng thực điện tử.

+ Cơ sở dữ liệu số địa lý (GIS) quy hoạch đô thị và nông thôn bao gồm các tệp tin (file) được chuyển đổi thành dữ liệu địa lý từ cơ sở dữ liệu gốc.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ (*gồm hồ sơ giấy và các tệp tin lưu giữ toàn bộ hồ sơ và các văn bản liên quan theo định dạng tài liệu di động (pdf) và theo định dạng các phần mềm được sử dụng lập hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch*)

d) Thời hạn giải quyết: Thời gian thẩm định của cơ quan chủ trì thẩm định không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn về quy hoạch đô thị và nông thôn cấp tỉnh; Cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc UBND cấp xã;

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Báo cáo thẩm định nhiệm vụ quy hoạch hoặc báo cáo thẩm định nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch.

h) Phí, lệ phí: Theo quy định tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

i) Tên, mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15;

- Nghị định số 178/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn.

- Thông tư số 35/2023/TT-BTC ngày 31/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định các đồ án quy hoạch.

- Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn.

- Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn.

- Thông tư số 17/2025/TT-BXD ngày 03/07/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức, phương pháp lập và quản lý chi phí cho hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn;

- Quyết định số 1661/QĐ-UBND ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh về việc ủy quyền phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Thủ tục thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Người đề nghị thẩm định trình 01 bộ hồ sơ đến cơ quan chủ trì thẩm định để tổ chức thẩm định. Hồ sơ trình thẩm định được gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

Bước 2:

- Cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra sự đầy đủ, tính hợp lệ của hồ sơ trình thẩm định theo quy định tại các Điều 12 Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Trong thời hạn 05 ngày làm việc sau khi tiếp nhận hồ sơ thẩm định, Cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm:

+ Xem xét, gửi văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ trình thẩm định đến người đề nghị thẩm định (việc yêu cầu bổ sung hồ sơ chỉ được yêu cầu một lần trong quá trình thẩm định). Trường hợp cần lấy ý kiến phối hợp của các cơ quan, tổ chức có liên quan, cơ quan chủ trì thẩm định yêu cầu người đề nghị thẩm định bổ sung hồ sơ đối với những nội dung lấy ý kiến;

+ Trả lại hồ sơ thẩm định trong trường hợp quy định tại khoản 2 bước này;

- Cơ quan chủ trì thẩm định từ chối tiếp nhận hồ sơ trình thẩm định trong các trường hợp:

+ Trình thẩm định không đúng với thẩm quyền của cơ quan chủ trì thẩm định hoặc người đề nghị thẩm định không đúng thẩm quyền theo quy định;

+ Hồ sơ trình thẩm định không bảo đảm về tính pháp lý hoặc không hợp lệ theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

+ Đối với hồ sơ nhận qua đường bưu điện thuộc các trường hợp quy định tại điểm a, điểm b của khoản này, cơ quan chủ trì thẩm định phải có văn bản gửi người đề nghị thẩm định nêu rõ lý do từ chối thực hiện thẩm định.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ bưu điện hoặc trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống quản lý văn bản điện tử (idesk).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

- Hồ sơ bản giấy:

+ Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt đồ án;

+ Thuyết minh nội dung quy hoạch;

- + Dự thảo quy định quản lý theo đồ án quy hoạch đô thị;
- + Dự thảo quyết định phê duyệt đồ án;
- + Các phụ lục tính toán kèm theo;
- + Các bản vẽ in màu đúng tỷ lệ theo quy định;
- + Các văn bản pháp lý có liên quan.
- + Văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung đồ án quy hoạch;
- + Hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch xây dựng.
 - Hồ sơ bản điện tử:
 - + Cơ sở dữ liệu số cơ bản là các tệp tin (file) bản vẽ và văn bản được in ấn thành phần hồ sơ của nhiệm vụ quy hoạch bản giấy.
 - + Cơ sở dữ liệu số pháp lý bao gồm các tệp tin (file) được số hóa, quét (scan) từ hồ sơ bằng bản giấy hoặc chứng thực điện tử.
 - + Cơ sở dữ liệu số địa lý (GIS) quy hoạch đô thị và nông thôn bao gồm các tệp tin (file) được chuyển đổi thành dữ liệu địa lý từ cơ sở dữ liệu gốc.
 - Số lượng hồ sơ: 01 bộ (*gồm hồ sơ giấy và các tệp tin lưu giữ toàn bộ hồ sơ và các văn bản liên quan theo định dạng tài liệu di động (pdf) và theo định dạng các phần mềm được sử dụng lập hồ sơ đồ án quy hoạch*)
- d) Thời hạn giải quyết:** Thời gian thẩm định của cơ quan chủ trì thẩm định không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (*chưa kể thời gian phê duyệt*).
- đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan.
- e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cơ quan chuyên môn về quy hoạch đô thị và nông thôn cấp tỉnh; Cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc UBND cấp xã.
- g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Báo cáo thẩm định quy hoạch hoặc báo cáo thẩm định điều chỉnh quy hoạch.
- h) Phí, lệ phí:** Theo quy định tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
- i) Tên, mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.
- k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không.
- l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**
 - Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15;
 - Nghị định số 178/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn.

- Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn.

- Thông tư số 35/2023/TT-BTC ngày 31/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định các đồ án quy hoạch.

- Thông tư số 17/2025/TT-BXD ngày 03/07/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức, phương pháp lập và quản lý chi phí cho hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn;

- Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn.

- Quyết định số 1661/QĐ-UBND ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh về việc ủy quyền phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

3. Thủ tục thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết không theo hình thức kinh doanh

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Người đề nghị thẩm định trình 01 bộ hồ sơ đến cơ quan chủ trì thẩm định để tổ chức thẩm định. Hồ sơ trình thẩm định được gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

Bước 2:

- Cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra sự đầy đủ, tính hợp lệ của hồ sơ trình thẩm định theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn. Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi tiếp nhận hồ sơ thẩm định, Cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm:

+ Xem xét, gửi văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ trình thẩm định đến người đề nghị thẩm định (việc yêu cầu bổ sung hồ sơ chỉ được yêu cầu một lần trong quá trình thẩm định). Trường hợp cần lấy ý kiến phối hợp của các cơ quan, tổ chức có liên quan, cơ quan chủ trì thẩm định yêu cầu người đề nghị thẩm định bổ sung hồ sơ đối với những nội dung lấy ý kiến;

+ Trả lại hồ sơ thẩm định trong trường hợp quy định tại khoản 2 bước này;

- Cơ quan chủ trì thẩm định từ chối tiếp nhận hồ sơ trình thẩm định trong các trường hợp:

+ Trình thẩm định không đúng với thẩm quyền của cơ quan chủ trì thẩm định hoặc người đề nghị thẩm định không đúng thẩm quyền theo quy định;

+ Hồ sơ trình thẩm định không bảo đảm về tính pháp lý hoặc không hợp lệ theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

+ Đối với hồ sơ nhận qua đường bưu điện thuộc các trường hợp quy định tại điểm a, điểm b của khoản này, cơ quan chủ trì thẩm định phải có văn bản gửi người đề nghị thẩm định nêu rõ lý do từ chối thực hiện thẩm định.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ bưu điện hoặc trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống quản lý văn bản điện tử (idesk).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

- Hồ sơ bản giấy:

+ Văn bản chủ trương điều chỉnh quy hoạch (trong trường hợp điều chỉnh tổng thể quy hoạch).

+ Tờ trình đề nghị thẩm định nhiệm vụ quy hoạch hoặc nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn;

+ Thuyết minh nội dung nhiệm vụ;

+ Bản vẽ;

+ Dự thảo Quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch.

+ Văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung nhiệm vụ quy hoạch.

+ Hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch xây dựng.

+ Các Văn bản pháp lý khác có liên quan.

- Hồ sơ bản điện tử:

+ Cơ sở dữ liệu số cơ bản là các tệp tin (file) bản vẽ và văn bản được in ấn thành phần hồ sơ của nhiệm vụ quy hoạch bản giấy.

+ Cơ sở dữ liệu số pháp lý bao gồm các tệp tin (file) được số hóa, quét (scan) từ hồ sơ bằng bản giấy hoặc chứng thực điện tử.

+ Cơ sở dữ liệu số địa lý (GIS) quy hoạch đô thị và nông thôn bao gồm các tệp tin (file) được chuyển đổi thành dữ liệu địa lý từ cơ sở dữ liệu gốc.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ (*gồm hồ sơ giấy và các tệp tin lưu giữ toàn bộ hồ sơ và các văn bản liên quan theo định dạng tài liệu di động (pdf) và theo định dạng các phần mềm được sử dụng lập hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch*)

d) Thời hạn giải quyết: Thời gian thẩm định của cơ quan chủ trì thẩm định không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc UBND cấp xã.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Báo cáo thẩm định nhiệm vụ quy hoạch hoặc báo cáo thẩm định nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch.

h) Phí, lệ phí: Theo quy định tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và Thông tư số của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

i) Tên, mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15;
- Nghị định số 178/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn.
- Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn.
- Thông tư số 35/2023/TT-BTC ngày 31/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định các đồ án quy hoạch.
- Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn.
- Thông tư số 17/2025/TT-BXD ngày 03/07/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức, phương pháp lập và quản lý chi phí cho hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn.

4. Thủ tục thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết không theo hình thức kinh doanh

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Người đề nghị thẩm định trình 01 bộ hồ sơ đến cơ quan chủ trì thẩm định để tổ chức thẩm định. Hồ sơ trình thẩm định được gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

Bước 2:

- Cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra sự đầy đủ, tính hợp lệ của hồ sơ trình thẩm định theo quy định tại các Điều 19 Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi tiếp nhận hồ sơ thẩm định, Cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm:

+ Xem xét, gửi văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ trình thẩm định đến người đề nghị thẩm định (việc yêu cầu bổ sung hồ sơ chỉ được yêu cầu một lần trong quá trình thẩm định). Trường hợp cần lấy ý kiến phối hợp của các cơ quan, tổ chức có liên quan, cơ quan chủ trì thẩm định yêu cầu người đề nghị thẩm định bổ sung hồ sơ đối với những nội dung lấy ý kiến;

- + Trả lại hồ sơ thẩm định trong trường hợp quy định tại khoản 2 bước này;
- Cơ quan chủ trì thẩm định từ chối tiếp nhận hồ sơ trình thẩm định trong các trường hợp:

- + Trình thẩm định không đúng với thẩm quyền của cơ quan chủ trì thẩm định hoặc người đề nghị thẩm định không đúng thẩm quyền theo quy định;

- + Hồ sơ trình thẩm định không bảo đảm về tính pháp lý hoặc không hợp lệ theo quy định tại các Điều 19 Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

- + Đối với hồ sơ nhận qua đường bưu điện thuộc các trường hợp quy định tại điểm a, điểm b của khoản này, cơ quan chủ trì thẩm định phải có văn bản gửi người đề nghị thẩm định nêu rõ lý do từ chối thực hiện thẩm định.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ bưu điện hoặc trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống quản lý văn bản điện tử (idesk).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ:

- Hồ sơ bản giấy:

- + Tờ trình đề nghị thẩm định quy hoạch hoặc điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn;

- + Thuyết minh nội dung quy hoạch;

- + Dự thảo quy định quản lý theo đồ án quy hoạch đô thị;

- + Dự thảo quyết định phê duyệt quy hoạch;

- + Các phụ lục tính toán kèm theo;

- + Các bản vẽ đúng tỷ lệ theo quy định;

- + Các văn bản pháp lý có liên quan.

- + Văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung quy hoạch;

- + Hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch xây dựng.

- Hồ sơ bản điện tử:

- + Cơ sở dữ liệu số cơ bản là các tệp tin (file) bản vẽ và văn bản được in ấn thành phần hồ sơ của nhiệm vụ quy hoạch bản giấy.

- + Cơ sở dữ liệu số pháp lý bao gồm các tệp tin (file) được số hóa, quét (scan) từ hồ sơ bằng bản giấy hoặc chứng thực điện tử.

- + Cơ sở dữ liệu số địa lý (GIS) quy hoạch đô thị và nông thôn bao gồm các tệp tin (file) được chuyển đổi thành dữ liệu địa lý từ cơ sở dữ liệu gốc.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ (gồm hồ sơ giấy và các tệp tin lưu giữ toàn bộ hồ sơ và các văn bản liên quan theo định dạng tài liệu di động (pdf) và theo định dạng các

phần mềm được sử dụng lập hồ sơ đồ án quy hoạch)

d) Thời hạn giải quyết: Thời gian thẩm định của cơ quan chủ trì thẩm định không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (*chưa kể thời gian phê duyệt quy hoạch*).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc UBND cấp xã.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Báo cáo thẩm định quy hoạch hoặc báo cáo thẩm định điều chỉnh quy hoạch.

h) Phí, lệ phí: Theo quy định tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

i) Tên, mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15;
- Nghị định số 178/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn.
- Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn.
- Thông tư số 17/2025/TT-BXD - 03/07/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức, phương pháp lập và quản lý chi phí cho hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn;
- Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn.
- Thông tư số 35/2023/TT-BTC ngày 31/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định các đồ án quy hoạch.

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ CẤP TỈNH

1. Cấp phép thi công công trình trên đường bộ của hệ thống đường địa phương đang khai thác (do Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Xây dựng quản lý)

a) Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp, qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến.
- Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ.

+ Đối với hồ sơ nộp trực tiếp, cơ quan có thẩm quyền thực hiện kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đủ thì tiếp nhận và viết phiếu hẹn trả kết quả, nếu không đủ thì hướng dẫn chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ theo quy định..

+ Đối với hồ sơ nộp gián tiếp, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đủ thì tiếp nhận, nếu không đủ, có văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ bưu điện hoặc trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống quản lý văn bản điện tử (idesk).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

Hồ sơ đề nghị chấp thuận xây dựng công trình bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác theo mẫu 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng);

- Bản vẽ thiết kế thi công có các thông tin về vị trí và lý trình công trình đường bộ, bản vẽ phải thể hiện: diện tích, kích thước công trình trên mặt bằng công trình đường bộ và trong phạm vi đất dành cho đường bộ; mặt đứng và khoảng cách theo phương thẳng đứng từ công trình bên trên hoặc bên dưới đến bề mặt công trình đường bộ, khoảng cách theo phương ngang từ cột, tuyến đường dây, đường ống, bộ phận khác của công trình đề nghị cấp phép đến mép ngoài rãnh thoát nước dọc, mép mặt đường xe chạy hoặc mép ngoài cùng của mặt đường bộ; bộ phận công trình đường bộ phải đào, khoan khi xây dựng công trình;

- Đối với công trình đề nghị cấp giấy phép thi công trong phạm vi dải phân cách giữa của đường bộ, ngoài Bản vẽ thiết kế thi công phải có thông tin về khoảng cách theo phương thẳng đứng, phương ngang từ mép công trình đề nghị cấp phép đến bề mặt và mép ngoài dải phân cách giữa;

- Đối với công trình đề nghị cấp giấy phép thi công lắp đặt vào cầu, hầm hoặc các công trình đường bộ có kết cấu phức tạp khác thì ngoài Bản vẽ thiết kế thi công phải có báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế và kết quả tính toán khả năng chịu lực của công trình đường bộ do tổ chức tư vấn đủ năng lực theo quy định của pháp luật về xây dựng thực hiện;

- Bản vẽ thiết kế hoàn trả công trình đường bộ bị ảnh hưởng; bản vẽ và thuyết minh: biện pháp tổ chức thi công, biện pháp bảo đảm giao thông trong thời gian thi công trên đường bộ đang khai thác.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư dự án xây dựng công trình trên đường bộ đang khai thác gửi hồ sơ đề nghị đến cơ quan có thẩm quyền (Khu Quản lý đường bộ, Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp xã).

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép thi công công trình trên

đường bộ đang khai thác.

h) Phí, lệ phí: Không quy định

i) Tên, mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, an toàn giao thông và không thuộc các trường hợp không phải cấp giấy phép thi công theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

- Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng) quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ.

- Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13/6/2025 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương.

2. Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng; xây dựng lắp đặt công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ của hệ thống đường địa phương (do Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Xây dựng quản lý)

a) Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp, qua hệ thống bưu chính hoặc trực tuyến đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính.

- Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ.

+ Đối với trường hợp nộp trực tiếp, sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ và viết phiếu hẹn trả kết quả; hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp không đủ thành phần hồ sơ.

+ Đối với trường hợp nộp gián tiếp, trong phạm vi 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu không đủ thành phần hồ sơ có văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện.

+ Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính tiến hành thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì có văn bản chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức giao thông biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong

phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ đang khai thác; chấp thuận xây dựng, gia cường đồng thời với cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác. Trường hợp không chấp thuận thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện: : Nộp hồ sơ bưu điện hoặc trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống quản lý văn bản điện tử (idesk).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

Hồ sơ chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị, xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ, bao gồm:

- Đơn đề nghị xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo mẫu số 01 tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ;

- Thuyết minh thiết kế, vị trí xây dựng, lắp đặt biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị, công trình hạ tầng và công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ.

Đối với công trình lắp đặt vào cầu, hầm, công trình, hạng mục công trình đường bộ thuộc kết cấu chịu lực, phải có kết quả tính toán bảo đảm khả năng chịu lực của kết cấu đối với tải trọng, tác động của gió khi lắp đặt các công trình này vào công trình đường bộ.

- Các bản vẽ thiết kế, bao gồm bản vẽ bố trí chung, các bản vẽ mặt cắt đứng, mặt cắt ngang và các bản vẽ thiết kế chi tiết thể hiện cụ thể: quy mô, kích thước, diện tích, cấu tạo chi tiết của công trình đề nghị chấp thuận; vị trí công trình đề nghị trên đoạn đường; khoảng cách từ mép ngoài công trình đề nghị đến mép ngoài mặt đường, tim đường, chiều sâu công trình đến mặt đường và các khoảng cách khác đến các hạng mục công trình cầu, cống, hầm có liên quan đến công trình đề nghị.

Đối với biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị, công trình hạ tầng và công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung xây dựng, lắp đặt trong phạm vi dải phân cách giữa của đường bộ, phải có thông tin về khoảng cách từ biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị và các công trình đến: bề mặt dải phân cách giữa, mép dải phân cách giữa.

- Các bản vẽ thiết kế kết cấu và biện pháp thi công hoàn trả công trình đường bộ bị ảnh hưởng.

- Đối với biển quảng cáo được xây dựng, lắp đặt trong hành lang an toàn đường bộ thì phải có phương án thi công để bảo đảm an toàn giao thông, an toàn cho công trình đường bộ và công trình liên kề.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền:

- Đối với quốc lộ quy định tại khoản 3 Điều 8 Luật Đường bộ, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 17 của Nghị định số 165/2024/NĐ-CP và thuộc thẩm quyền của Sở Xây dựng:

+ Cục Đường bộ Việt Nam thực hiện đối với đường bộ cao tốc, hầm đường bộ, công trình hạ tầng đi qua địa bàn hai tỉnh trở lên, công trình hạ tầng lắp đặt vào cầu phải bổ sung kết cấu gia cố, khi cần đào, khoan, cắt, xẻ quốc lộ cấp III trở lên, công trình hạ tầng theo đề nghị của cơ quan quân sự, cơ quan công an, trừ trường hợp chấp thuận xây dựng, gia cường đồng thời với cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác;

+ Khu Quản lý đường bộ thực hiện đối với các trường hợp còn lại thuộc phạm vi quản lý.

- Sở Xây dựng thực hiện đối với các trường hợp: quốc lộ quy định tại khoản 4 Điều 8 Luật Đường bộ và quy định tại khoản 1 Điều 4, khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 6 của Nghị định số 165/2024/NĐ-CP; đường bộ tại đô thị, đường khác thuộc phạm vi được giao quản lý.

- Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện đối với đường thuộc phạm vi quản lý, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Sở Xây dựng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Văn bản chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị;

- Văn bản chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ;

h) Phí, lệ phí: Không quy định

i) Tên, mẫu đơn, mẫu tờ khai: - Đơn đề nghị chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng; xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ;

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 13, Điều 14, Điều 15 và Điều 16 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

- Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

3. Chấp thuận xây dựng công trình hạ tầng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ, gia cường công trình đường bộ đồng thời với cấp giấy phép

thi công công trình trên đường bộ của hệ thống đường địa phương đang khai thác (do Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Xây dựng quản lý)

a) Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp, qua hệ thống bưu chính hoặc trực tuyến đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính.

- Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ.

+ Đối với trường hợp nộp trực tiếp, sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ và viết phiếu hẹn trả kết quả; hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp không đủ thành phần hồ sơ.

+ Đối với trường hợp nộp gián tiếp, trong phạm vi 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu không đủ thành phần hồ sơ có văn bản thông báo đến tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện.

+ Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính tiến hành thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì có văn bản chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức giao thông biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ đang khai thác; chấp thuận xây dựng, gia cường đồng thời với cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác. Trường hợp không chấp thuận thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện: : Nộp hồ sơ bưu điện hoặc trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống quản lý văn bản điện tử (idesk).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

Hồ sơ xây dựng, công trình hạ tầng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ, gia cường công trình đường bộ đồng thời với cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ của hệ thống đường địa phương đang khai thác, bao gồm:

- Đơn đề nghị xây dựng công trình trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo mẫu số 02 tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ;

- Thuyết minh thiết kế, công trình hạ tầng và công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ.

Đối với công trình lắp đặt vào cầu, hầm, công trình, hạng mục công trình đường bộ thuộc kết cấu chịu lực, phải có kết quả tính toán bảo đảm khả năng chịu lực của kết cấu đối với tải trọng, tác động của gió khi lắp đặt các công trình này vào công trình đường bộ.

- Các bản vẽ thiết kế, bao gồm bản vẽ bố trí chung, các bản vẽ mặt cắt đứng, mặt cắt ngang và các bản vẽ thiết kế chi tiết thể hiện cụ thể: quy mô, kích thước, diện tích, cấu tạo chi tiết của công trình đề nghị chấp thuận; vị trí công trình đề nghị trên đoạn đường; khoảng cách từ mép ngoài công trình đề nghị đến mép ngoài mặt đường,

tim đường, chiều sâu công trình đến mặt đường và các khoảng cách khác đến các hạng mục công trình cầu, cống, hầm có liên quan đến công trình đề nghị.

Đối với công trình hạ tầng và công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung xây dựng, lắp đặt trong phạm vi dải phân cách giữa của đường bộ, phải có thông tin về khoảng cách từ công trình đến bề mặt dải phân cách giữa, mép dải phân cách giữa.

- Các bản vẽ thiết kế kết cấu và biện pháp thi công hoàn trả công trình đường bộ bị ảnh hưởng.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền:

- Đối với quốc lộ quy định tại khoản 3 Điều 8 Luật Đường bộ, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 17 của Nghị định số 165/2024/NĐ-CP và thuộc thẩm quyền của Sở Xây dựng:

+ Cục Đường bộ Việt Nam thực hiện đối với đường bộ cao tốc, hầm đường bộ, công trình hạ tầng đi qua địa bàn hai tỉnh trở lên, công trình hạ tầng lắp đặt vào cầu phải bổ sung kết cấu gia cố, khi cần đào, khoan, cắt, xẻ quốc lộ cấp III trở lên, công trình hạ tầng theo đề nghị của cơ quan quân sự, cơ quan công an, trừ trường hợp chấp thuận xây dựng, gia cường đồng thời với cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác;

+ Khu Quản lý đường bộ thực hiện đối với các trường hợp còn lại thuộc phạm vi quản lý.

- Sở Xây dựng thực hiện đối với các trường hợp: quốc lộ quy định tại khoản 4 Điều 8 Luật Đường bộ và quy định tại khoản 1 Điều 4, khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 6 của Nghị định số 165/2024/NĐ-CP; đường bộ tại đô thị, đường khác thuộc phạm vi được giao quản lý.

- Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện đối với đường thuộc phạm vi quản lý, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Sở Xây dựng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận xây dựng công trình hạ tầng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ, gia cường công trình đường bộ đồng thời với cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác.

e) Phí, lệ phí: Không quy định

i) Tên, mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị chấp thuận xây dựng công trình hạ tầng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ, gia cường công trình đường bộ đồng thời với cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 13, Điều 14, Điều 15 và Điều 16 Nghị định số 165/2024/NĐ-

CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

- Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

4. Chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông nút giao đầu nối vào hệ thống đường địa phương (do UBND tỉnh giao cho sở xây dựng quản lý)

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Chủ đầu tư dự án công trình nộp hồ sơ trực tiếp, qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp đến Sở Giao thông vận tải (Số 08 Lê Thánh Tôn, thành phố Quy Nhơn, Bình Định).

Bước 2. Sở Xây dựng tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ.

+ Đối với trường hợp nộp trực tiếp: sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ; nếu không đúng quy định, hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

+ Đối với trường hợp nộp gián tiếp (qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác), Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện.

Bước 3. Trả kết quả cho Chủ đầu tư dự án công trình.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc bưu chính hoặc qua hệ thống Văn phòng điện tử

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

Hồ sơ đề nghị chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao gồm:

+ Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao theo mẫu tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Quyết định số 60/2016/QĐ-UBND ngày 25/11/2016 của UBND tỉnh;

+ Quy hoạch các điểm đầu nối vào quốc lộ đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu); hoặc văn bản thỏa thuận của Bộ Giao thông vận tải cho phép đầu nối đường nhánh vào quốc lộ đối với các trường hợp quốc lộ chưa có quy hoạch các điểm đầu nối vào quốc lộ được phê duyệt (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

+ Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu) giao tổ chức, cá nhân làm chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng nút giao;

+ Thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao (có biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông) do tổ chức tư vấn được phép hành nghề trong lĩnh vực công trình đường bộ lập (bản chính).

d) Thời hạn giải quyết:

Trong 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ sử dụng hoặc cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án

g) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

Sở Giao thông vận tải đối với hệ thống đường tỉnh và các tuyến đường khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Giao thông vận tải quản lý.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản Chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông nút giao đầu nối vào hệ thống đường địa phương

i) Phí, lệ phí (nếu có): Không

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu đơn đề nghị chấp thuận thiết kế kỹ thuật nút giao đường nhánh đầu nối vào đường tỉnh (đường huyện) (*Phụ lục 3 ban hành kèm theo Quyết định số 60/2016/QĐ-UBND ngày 25/11/2016 của UBND tỉnh*);

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Theo Điều 15 Quyết định số 60/2016/QĐ-UBND ngày 25/11/2016 của UBND tỉnh được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Quyết định số 46/2018/QĐ-UBND ngày 10/10/2018.

Đường nhánh đầu nối vào đường tỉnh bao gồm:

- a) Đường đô thị, đường huyện, đường xã;
- b) Đường chuyên dùng: Đường lâm nghiệp; đường khai thác mỏ; đường phục vụ thi công; đường khu, cụm công nghiệp;
- c) Đường gom, đường nối từ đường gom;
- d) Đường dẫn ra, vào cửa hàng xăng dầu; đường nối trực tiếp từ công trình đơn lẻ (trừ nhà ở riêng lẻ)”

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn một số điều

của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

- Thông tư số 13/2020/TT-BGTVT ngày 29/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

- Thông tư số 39/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Quyết định số 60/2016/QĐ-UBND ngày 25/11/2016 của UBND tỉnh ban hành quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường địa phương trên địa bàn tỉnh Bình Định.

- Quyết định số 46/2018/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định ban hành kèm theo quyết định số 60/2016/QĐ-UBND ngày 25/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường địa phương trên địa bàn tỉnh Bình Định

- Quyết định số 69/2020/UBND ngày 21/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường địa phương trên địa bàn tỉnh.

5. Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào hệ thống đường địa phương (do UBND tỉnh giao cho Sở Xây dựng quản lý)

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Chủ đầu tư dự án công trình nộp hồ sơ trực tiếp, qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp đến Sở Giao thông vận tải (Số 08 Lê Thánh Tôn, thành phố Quy Nhơn, Bình Định)

Bước 2. Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ.

+ Đối với trường hợp nộp trực tiếp: sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ; nếu không đúng quy định, hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

+ Đối với trường hợp nộp gián tiếp (qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác), Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ

chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện.

Bước 3. Trả kết quả cho Chủ đầu tư dự án công trình.

b) Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp hoặc bưu chính hoặc qua hệ thống Văn phòng điện tử

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

Hồ sơ đề nghị cấp phép thi công xây dựng nút giao đầu nối vào quốc lộ:

+ Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình theo mẫu tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Quyết định số 60/2016/QĐ-UBND ngày 25/11/2016 của UBND tỉnh;

+ Văn bản chấp thuận xây dựng hoặc chấp thuận thiết kế nút giao của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

+ Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công / (trong đó có biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bản chính).

+ Số lượng bộ hồ sơ: 02 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

Trong 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư hoặc nhà thầu thi công công trình.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

Sở Xây dựng đối với hệ thống đường tỉnh và các tuyến đường khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Giao thông vận tải quản lý.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép thi công.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu đơn đề nghị cấp phép thi công công trình (Phụ lục 4 ban hành kèm theo Quyết định số 60/2016/QĐ-UBND ngày 25/11/2016 của UBND tỉnh);

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Đường nhánh đầu nối vào đường tỉnh phải thông qua điểm đầu nối thuộc quy hoạch điểm đầu nối vào đường tỉnh đi qua địa phận thành phố, thị xã, huyện, thị trấn, xã (sau đây gọi tắt là Quy hoạch các điểm đầu nối) đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Các Nghị định của Chính phủ: số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013, số 64/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 và số 117/2021/NĐ-CP ngày 22/12/2021 sửa đổi, bổ

sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Nghị định số 125/2018/NĐ-CP ngày 19/09/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 64/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

- Thông tư số 13/2020/TT-BGTVT ngày 29/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

- Thông tư số 39/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Quyết định số 60/2016/QĐ-UBND ngày 25/11/2016 của UBND tỉnh ban hành quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường địa phương trên địa bàn tỉnh Bình Định.

- Quyết định số 46/2018/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định ban hành kèm theo quyết định số 60/2016/QĐ-UBND ngày 25/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường địa phương trên địa bàn tỉnh Bình Định

- Quyết định số 69/2020/UBND ngày 21/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường địa phương trên địa bàn tỉnh.